

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2020

*“Yêu cầu không công nhận  
quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Đoàn Thị Mến

- ông Dương Đình Luật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp *“Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị T, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm: 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2020, bản khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đào Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân của bà T và ông S là hoàn toàn tự nguyện không ai mai mối hay ép buộc. Trước khi kết hôn bà T và ông S có thời gian tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới.

Sau khi về chung sống, vợ chồng bà T và ông S chung sống hạnh phúc, mặc dù

trong cuộc sống đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng vợ chồng tự giải quyết được. Đến năm 2013, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và kéo dài cho đến ngày hôm nay, không thể nào khắc phục được nữa.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau và ông S thường đánh đập bà T. Bà T đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng chung sống với nhau nhưng không được.

Từ năm 2016 cho đến nay, bà T và ông S sống ly thân, vợ chồng không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà T xét thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà T và ông S là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Bà T và ông S có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày: 22/4/1993; Nguyễn Minh P, sinh ngày: 08/5/1996; Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày: 22/02/1998 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 05/9/2000. Tất cả con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông S tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* *Tại bản khai và biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Minh S trình bày:***

- Về hôn nhân: Ông S xác định, ông S và bà T chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông S và bà T là tự nguyện không bị ai mai mối hay ép buộc, trước khi kết hôn ông S và bà T có thời gian tìm hiểu nhau, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý.

Vợ chồng ông S và bà T chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và kéo dài cho đến ngày hôm nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Việc này vợ chồng đã ngồi lại tìm cách khắc phục nhưng không được. Nay bà T yêu cầu không công nhận quan hệ giữa bà T và ông S là quan hệ vợ chồng thì ông S đồng ý.

- Về con chung: ông S và bà T có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày: 22/4/1993; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 08/5/1996; Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày: 22/02/1998 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 05/9/2000. Tất cả con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông S và bà T tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa**

### **phát biểu ý kiến:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc không công nhận quan hệ giữa bà T và ông S là quan hệ vợ chồng. Về con chung, tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về phần tài sản chung và nợ chung: bà T và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp*: Bà Đào Thị T có đơn yêu cầu không công nhận bà T và ông Nguyễn Minh S là vợ chồng; ông S đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại xã Hòa Hội, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định, quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, bà T và ông S vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Bà T và ông S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vì vậy, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên không xác lập quan hệ hôn nhân.

Trong quá trình chung sống, bà T và ông S phát sinh mâu thuẫn nên từ cuối năm 2016 cho đến nay bà T và ông S không còn chung sống với nhau và không còn quan hệ gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Bà T xác định, tình cảm của bà T đối với ông S không còn, bà T và ông S đã không còn duy trì đời sống chung nên bà T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông S.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông S đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8, Luật hôn nhân gia đình nhưng do mâu thuẫn không có khả năng đoàn tụ nên không cần thiết hướng dẫn bà T và ông S thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc không công nhận quan hệ giữa bà T và ông S là quan hệ vợ chồng.

[4]. *Về con chung*: Bà T và ông S có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày: 22/4/1993; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 08/5/1996; Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày: 22/02/1998 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 05/9/2000. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về án phí*: Bà Đào Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T, không công nhận bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S có 04 (bốn) con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày: 22/4/1993; Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 08/5/1996; Nguyễn Thị Thúy T, sinh ngày: 22/02/1998 và Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày: 05/9/2000. Tất cả con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Đào Thị T và ông Nguyễn Minh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Đào Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008468 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí, ông Nguyễn Minh S không phải nộp án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR – VT;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Xuyên Mộc;
- UBND xã, thị trấn;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy**